TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HSST
Ngày: 03-8-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ An Quốc;

2. Ông Lê Hữu Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại Văn phòng ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Dương Thị Mỹ T (H tóc vàng), sinh năm 1974, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Dương B, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị P (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1968 (đã ly hôn); bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1936;

Trú tại: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Mỹ D, sinh năm 1978;

Trú tại: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Dương B, sinh năm 1949;

Trú tại: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Dương Thị Mỹ T bị Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Dương Thị Mỹ T và chị Nguyễn Thị Công L là bạn bè với nhau.

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 10/12/2016, do không có tiền tiêu xài nên T đón xe buýt từ khu vực quận G, thành phố H đến nhà chị L tại Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương để mượn tiền. Khoảng 16 giờ 00 phút, cùng ngày, T ghé nhà em gái là Dương Mỹ D mượn xe mô tô hiệu Honda, biển số 61R1-6096 màu đỏ đen điều khiển đến nhà chị L. Khoảng 16 giờ 30 phút, T đến nơi, lúc này chị L đi vắng chỉ có bà Nguyễn Thị Y là mẹ chồng của chị L ở nhà. T vào nhà nói chuyện với bà Y và ghi số điện thoại của T là 0908659923 để lại nhờ bà Y chuyển cho L dùm. Sau đó, T hỏi bà Y cho T đi nhờ nhà vệ sinh, bà Y đồng ý và dẫn T đi ra phía sau nhà để đi vệ sinh. Sau khi đi vệ sinh xong, T đi ngang qua phòng ngủ của bà Y nhìn thấy cửa phòng ngủ mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Y. T đi lên phòng khách tiếp tục ngồi nói chuyện với bà Y, do bị muỗi cắn nên T giả vờ đi ra nhà vệ sinh rửa chân và nhờ bà Y đi ra phía trước nhà trông coi xe mô tô biển số 61R1-6096 dùm vì sợ mất trộm, mục đích T vào phòng ngủ của bà Y lục tìm tài sản lấy trộm. Bà Y đồng ý. Lúc này, T đi rửa chân rồi lén lút vào phòng ngủ của bà Y cầm tấm nệm trên giường lên thì phát hiện một cọc tiền 10.000.000 đồng (loại polyme mệnh giá 200.000 đồng) được buộc bằng dây thun để phía trong gần vách tường nên lấy tiền bỏ vào lưng quần phía trước bụng rồi đi ra. Do T sợ bị phát hiện nên lấy tờ giấy ghi số điện thoại của T ban đầu cất và ghi lại số điện thoại giả tên C để lại rồi T lấy xe đi về. Sau đó, T đến nhà chị D trả xe và đón xe buýt về thành phố H. Tiền trộm được, T tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 20 giờ 00 phút, cùng ngày, chị L đi làm về. Bà Y kể lại sự việc cho chị L biết. Chị L thấy số điện thoại ghi để lại có 08 số nghi ngờ bị lừa đảo nên kiểm tra lại phòng ngủ thì phát hiện bị mất 10.000.000 đồng.

Đến 15 giờ 30 phút, ngày 30/3/2017, chị L đi đến Văn phòng công chứng Mỹ Phước 3 để làm hồ sơ thì thấy Dương Thị Mỹ T nên đến Công an phường T trình báo sự việc. Công an phường T mời T đến làm việc. Tại đây, Dương Thị Mỹ T đã khai nhận hành vi trộm cắp 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Y vào ngày 10/12/2016. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Công an thị xã B xử lý theo thẩm quyền.

Xe mô tô biển số 61R1-6096 là xe của chị Dương Mỹ D. Chị D cho T mượn xe đi mua sữa không biết T sử dụng phương tiện phạm tội.

Ngày 05/4/2017, ông Dương B là cha ruột của Dương Thị Mỹ T đã thỏa thuận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Y. Bà Y đồng ý nhận và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 109/QĐ-KSĐT ngày 09/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Dương Thị Mỹ T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Thị Mỹ T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Thị Mỹ T 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 đến 20 tháng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, bị cáo Dương Thị Mỹ T khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10/12/2016, bị cáo đã có hành vi lén lút vào phòng ngủ của bà Nguyễn Thị Y thuộc khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương lấy trộm 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Y.

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản của mình, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của người bị hại số tiền 10.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản Cáo trạng số 109/QĐ-KSĐT ngày 09/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình và đã tích cực sống tốt, có ích cho xã hội. Ngoài ra, bị cáo có 02 con nhỏ, không có người thân chăm sóc nên nếu bắt bị cáo đi chấp hành án sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của các con của bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật tạo cơ hội cho bị cáo hòa nhập cộng đồng làm lại cuộc đời.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 05/4/2017, ông Dương B là cha ruột của bị cáo đứng ra thay bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho người bị hại là bà Nguyễn Thị Y. Bà Y đồng ý nhận và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Honda màu đỏ-đen, biển số 61R1-6096 là xe thuộc sở hữu của chị Dương Mỹ D. Ngày 10/12/2016, bị cáo sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nhưng chị D không biết. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Thị Mỹ T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Mỹ T 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Thị Mỹ T cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự để giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Dương Thị Mỹ T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Uỷ ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đậu Thị Thảo